TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 29 tháng 11 năm 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Thúy-Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên; mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2023/TLPT-HN&GĐ ngày 23 tháng10 năm 2023 về ly hôn,tranh chấp nuôi con chung.Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 31/2023/HN&GĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2023/QĐ- PTngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Dương Thị V, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT: Tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

Chỗ ở hiện nay: xóm Làng Mới, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

+ **Bị đơn:** Anh Phạm Văn H, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: xóm Làng Mới, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

+ **Người kháng cáo**: Bị đơn anh Phạm Văn H.

(Chị V và anh H đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo bản án sơ thẩm vụ án được tóm tắt như sau:***

Chị Dương Thị V và anh Phạm Văn H kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Anh chị có 02 con chung là Phạm Thái Bình D, sinh ngày 25/4/2007 và Phạm Phương U, sinh ngày

27/01/2012. Hiện nay, các con đang ở cùng với chị V tại khu tập thể của Xí nghiệp kẽm chì làng Hích thuộc xóm Làng Mới, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Theo chị V lý do chị xin ly hôn là do anh H có những lời nói lăng mạ và cố ý xúc phạm danh dự, nhân phẩm, có hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập, cố ý xâm hại đến sức khỏe của chị, đập phá tài sản của gia đình. Chị đã 02 lần làm đơn ra Tòa xin ly hôn vào các năm 2017 và năm 2020 nhưng sau đó chị đã rút đơn để vợ chồng tiếp tục chung sống nuôi dậy con cái nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trầm trọng hơn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Phía anh Phạm Văn H xác nhận: Vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về lối sống, tính cách và sự ứng xử trong cuộc sống. Chị V đã nhiều lần đưa đơn ly hôn để yêu cầu anh ký nhưng anh không đồng ý. Đến năm 2017, chị V làm đơn ly hôn đơn phương gửi đến Tòa án. Sau khi Tòa án hòa giải, chị V đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Đến năm 2020, chị V tiếp tục làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án. Sau khi Tòa án hòa giải, chị V đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Anh đã chủ động hàn gắn nhưng chị V không hợp tác. Vợ chồng vẫn giữ khoảng cách với nhau, việc ai người đó làm. Từ đó, mặc dù anh đã cố gắng để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị V không mở lòng, không có thiện chí để đoàn tụ. Nay chị V xin ly hôn, anh cũng nhất trí.

Khi ly hôn, về con chung chị V có nguyện vọng được nuôi cả hai con vì hai con học tập tại trường Tiểu học và Trung học gần nhà, hai con đều có nguyện vọng tiếp tục ở với chị nếu bố mẹ phải ly hôn. Chị hiện đang là công nhân tại Công ty cổ phần K VIMICO, với mức thu nhập bình quân mỗi tháng là 5.538.291 đồng (*Năm triệu năm trăm ba mươi tám nghìn hai trăm chín mươi mốt đồng*). Công ty cách nhà khoảng 2km, cách trường con trai lớn của chị 0,5km và cách trường cháu gái út của chị là 1km, vì vậy chị có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu, đảm bảo hai con có cuộc sống đầy đủ và môi trường phát triển tốt nhất. Chị không yêu cầu anh H phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Anh H tự nguyện đóng thế nào và cho các cháu là tùy tâm. Anh H cũng có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con chung là Phạm Thái Bình D, sinh ngày 25/4/2007 và cháu Phạm Phương U sinh ngày 27/01/2012, hiện nay anh vẫn đang đi làm ở Lạng Sơn, tháng về nhà 1- 2 lần, mặc dù anh không trực tiếp chăm sóc các con nhưng anh vẫn thường xuyên về thăm con và hàng ngày dạy con học qua online, nên đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị V xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn anh H xác định năm 2017, vợ chồng anh chị có bỏ tiền ra xây nhà trên mảnh đất do bố mẹ vợ cho nhưng chưa sang tên hai vợ chồng khoảng 187.000.000đ tại tổ G phường T, thành phố T. Ngoài ra còn vay ngân hàng 100.000.000đ và bỏ tiền mua đá làm móng nhà, đá đổ mái và phí vận tải vật liệu cùng một số vật tư xây nhà phát sinh sau này.

Tại đơn đề nghị về việc lựa chọn ở với ai khi bố mẹ ly hôn: Ngày 10/7/2023 con chung của đương sự là cháu Phạm Thái Bình D, sinh ngày 25/4/2007 và Phạm Phương U sinh ngày 27/01/2012 có nguyện vọng bố mẹ ly hôn các cháu xin được ở với mẹ.

Với nội dung trên, tại bản án số 31/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. *Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị V, cho chị V được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Giao con chung là Phạm Thái Bình D, sinh ngày 25/4/2007 và Phạm Phương U, sinh ngày 27/01/2012 cho chị Dương Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn H do chị Dương Thị V chưa có yêu cầu.

Anh Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2023, anh Phạm Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên với các lý do:

+ Yêu cầu nguyên đơn Dương Thị V chứng minh có nhà ở và công việc thu nhập ổn định để đảm bảo các con tôi có cuộc sống về vật chất, tinh thần cũng như giáo dục được tốt.

+ Đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ thụ án đưa công nợ và tài sản chung hình thành trong quá trình hôn nhân của vợ chồng vào nội dung xét xử theo quy định của pháp luật. Vì năm 2016 vợ chồng tôi có xây 01 căn nhà mái bằng tại phường T thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, các vật dụng trong căn nhà làm tài sản chung và tài sản như phương tiện đi lại (xe máy) cùng các vật dụng gia đình tại nhà ở khu tập thể Mỏ Xí nghiệp kẽm chì Làng H tại xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đến nay vẫn chưa thống nhất phân chia được.

+ Trong bản án kết luận không chứng minh được năng lực tài chính của nguyên đơn Dương Thị V cũng như đáp ứng môi trường sống và phương pháp giáo dục của các con; Trong bản án lời khai của nguyên đơn Dương Thị V nói là: "Tôi không quan tâm đến gia đình và bỏ mặc con cái" là không đúng sự thật. Yêu cầu Hội đồng xét xử Tòa án đối chứng lại lời khai.

+ Từ ngày nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ để viết lời khai, do chưa xác định được công nợ chung

và tài sản chung thì từ tháng 6 năm 2023 đến nay vợ tôi thường trốn không về nhà mỗi khi tôi đi làm về nên tôi không tiếp xúc được để thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung (trong đó có nợ chung của người thân trong gia đình). Mong Hội đồng xét xử giải quyết việc phân chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng hình thành trong quá trình hôn nhân theo quy định của pháp luật.

+ Không đồng ý để nguyên đơn là Dương Thị V trực tiếp chăm sóc và nuôi con trong thời gian này, sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như thể chất và học tập của các con tôi hiện tại và sau này. Lý do từ tháng 5 năm 2023 đến nay vợ anh (nguyên đơn trong vụ án) bị một số đối tượng kích động nên ảnh hưởng đến tâm lý cũng như lập trường nên để nguyên đơn trực tiếp chăm sóc con chung trong thời gian này là không phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Dương Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với bản án sơ thẩm.

- Anh Phạm Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm cho anh được nuôi hai con và giải quyết tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Về quan hệ hôn nhân, anh nhất trí ly hôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 69, 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa hôm nay anh H không có tài liệu chứng cứ mới nào giao nộp để làm căn cứ kháng cáo; Bản thân anh H không chứng minh được về điều kiện nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phạm Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 31/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1.] Đơn kháng cáo của anh Phạm Văn H làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo hợp lệ nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[1.2.] Tại phiên tòa, anh Phạm Văn H đề nghị thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Lý do xin thay đổi là tại buổi giao nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử,

thẩm phán đã có những giải thích không phù hợp, anh phải chờ lâu và đi lại nhiều để nhận Quyết định. Ngoài ra không còn lý do nào khác.

Sau khi nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử vào thảo luận tại phòng nghị án. Thấy rằng, lý do xin thay đổi thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa của anh H, không thuộc các trường hợp quy định tại các Điều 52, 53 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 240 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn H.

[2] Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm: *"Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị"*.

Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đến nội dung kháng cáo của anh Phạm Văn H liên quan đến phần xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, nội dung kháng cáo liên quan đến yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết và đã giành quyền cho các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ kiện Chia tài sản chung sau ly hôn, là đảm bảo quyền lợi của các đương sự, đúng pháp luật. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.] Xét kháng cáo của anh Phạm Văn H về việc xin được nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1.] Tại phiên tòa phúc thẩm anh H khai: Anh làm về quản lý mỏ, hơn một năm nay anh công tác ở Lạng Sơn. Ở Thái Nguyên và Lạng Sơn anh đều không có nhà riêng, tuy nhiên năm 2017 toàn bộ tiền xây nhà khoảng 187.000.000đ trên mảnh đất do bố mẹ vợ cho (*nhưng chưa sang tên hai vợ chồng*) tại tổ G phường T, thành phố T là do anh bỏ ra, nếu Tòa án Đ giải quyết cả phần tài sản chung này thì anh đủ điều kiện để chứng minh về điều kiện nuôi con. Tuy anh công tác xa nhà nhưng cuối tuần vẫn về với con và hàng ngày anh vẫn dạy các con học thông qua online. Ngoài lời trình bày trên, anh H không xuất trình được bất kỳ chứng cứ tài liệu gì để làm căn cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của anh.

[3.2.] Chị V giữ nguyên các ý kiến đã trình bầy trước đó và xác định, hơn bốn năm nay anh H không quan tâm chăn sóc đến con, không biết con phải đóng học phí là bao nhiêu. Từ khi anh H sang Lạng Sơn làm việc, cả năm anh về nhà được ba, bốn lần. Nếu anh muốn nuôi cả hai con thì làm cách nào để đảm bảo điều kiện học của cả hai con vì hiện anh H đều không có nhà ở, căn nhà tập thể cấp 4 hiện nay là chị được Công ty cấp cho, tại Xí nghiệp kẽm chì làng H tại xã T, huyện Đ, hiện nay chị và 02 con đang sinh sống ổn định, trường các con đi học đều ở gần nhà.

[3.3.] Tại bản tự khai ngày 10/7/2023 của cháu Phạm Thái Bình D, sinh ngày 25/4/2007 và cháu Phạm Phương U, sinh ngày 27/01/2012 đều thể hiện, hai cháu đều có nguyện vọng trong trường hợp bố mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ.

[3.4.] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, thấy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2023/HN&GĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đ đã xem xét, đánh giá một cách công bằng, toàn diện, đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho con trẻ khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, kháng cáo xin nuôi cả hai con chung của anh Phạm Văn H là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của anh H không được chấp nhận nên phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm theo quy định.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 31/2023/HN&GĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Dương Thị V, cho chị Dương Thị V được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Phạm Thái Bình D, sinh ngày 25/4/2007 và Phạm Phương U, sinh ngày 27/01/2012 cho chị Dương Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn H do chị Dương Thị V chưa có yêu cầu.

Anh Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

3. ***Về án phí***. Chị V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003799 ngày 26/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn phúc thẩm vào ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006960 ngày 06/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Toàn